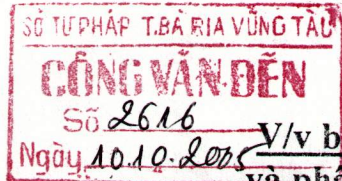


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3528./2005/QĐ.UBND

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 10 năm 2005



QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về xả thải nước thải vào các vùng nước và phân vùng phát thải khí thải để áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 2000, 2001 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004.

Căn cứ Quyết định số 35/2002/QĐ.BKHCMNT ngày 25/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, công nghệ và Môi trường v/v công bố danh mục Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1242/TT.STNMT ngày 13/9/2005 v/v đề nghị ban hành Quy định về xả thải nước thải và khí thải vào môi trường trên địa bàn tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xả thải nước thải vào các vùng nước và phân vùng phát thải khí thải để áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 2000, 2001 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thủy sản, Y tế, Du lịch, Ban quản lý các khu

công nghiệp, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa, các huyện, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UBND TỈNH BÀ RI - VŨNG TÀU *Handwritten signature*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nơi nhận: *Handwritten mark*

- Văn phòng CP (b/c)
- Bộ TNMT, Bộ TP (b/c)
- Tr. Tỉnh ủy (b/c)
- TTr. HĐND tỉnh (b/c)
- CT và các PCT. UBND tỉnh
- UBMTTQ tỉnh
- HĐ thi đua khen thưởng tỉnh
- Đoàn đại biểu QH tỉnh
- Sở Tư Pháp
- Đài PTTH tỉnh, Báo BR-VT
- Như Điều 3
- Lưu VT-TH

PHẠM QUANG KHẢI

5. TCVN 6984:2001: Chất lượng nước – Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào các vực nước sông dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

6. TCVN 6985:2001: Chất lượng nước – Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào các vực nước hồ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

7. TCVN 6986:2001: Chất lượng nước – Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào các vực nước biển ven bờ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

8. TCVN 6987:2001: Chất lượng nước – Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào các vực nước biển ven bờ dùng cho mục đích thể thao và giải trí dưới nước.

9. TCVN 6991:2001: Chất lượng không khí – Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn khí thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong khu công nghiệp.

10. TCVN 6992:2001: Chất lượng không khí – Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn khí thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong vùng đô thị.

11. TCVN 6993:2001: Chất lượng không khí – Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn khí thải theo thải lượng của các chất vô cơ trong vùng nông thôn và miền núi.

12. TCVN 6994:2001: Chất lượng không khí – Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn khí thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong khu công nghiệp.

13. TCVN 6995:2001: Chất lượng không khí – Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn khí thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong vùng đô thị.

14. TCVN 6996:2001: Chất lượng không khí – Khí thải công nghiệp - Tiêu chuẩn khí thải theo thải lượng của các chất hữu cơ trong vùng nông thôn và miền núi.

15. Q: Lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận:

- Q1 > 200 m³/s;
- Q2 > 50 - 200 m³/s;
- Q3 < 50 m³/s;

16. V: Dung tích của hồ chứa:

- V1 > 100 x 10⁶ m³;
- V2 = (10 – 100) x 10⁶ m³;
- V3 < 10 x 10⁶ m³.

17. M: Mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận:

- M1: Mục đích cấp nước sinh hoạt;
- M2: Mục đích bảo vệ thủy sinh;
- M3: Mục đích thể thao và giải trí dưới nước.

Chương II QUY ĐỊNH XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÁC VÙNG NƯỚC

Điều 3. Quy định xả nước thải vào các nguồn tiếp nhận là nước mặt

Việc xả nước thải vào hệ thống các sông: sông Thị Vải, sông Dinh, sông Băng Chua – Đu Đủ và vào nguồn tiếp nhận là các hồ được áp dụng chi tiết theo bản phụ lục kèm theo Quy định này

Điều 4. Quy định xả nước thải vào nguồn tiếp nhận là nước biển ven bờ

1. Các vực nước biển ven bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được liệt kê dưới đây được phân vùng dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh. Tất cả các cơ sở sản xuất xả nước thải trực tiếp vào các khu vực nước biển ven bờ này phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường theo TCVN 6986: 2001 cho nước biển ven bờ dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh.

a. Từ vịnh Gành Rái đến điểm đầu của Bãi Dâu có tọa độ: D1 (X $107^{\circ}3'35,64''$; Y $10^{\circ}22'7,32''$);

b. Từ điểm cuối Bãi Dâu có tọa độ: D2 (X $107^{\circ}3'42,84''$; Y $10^{\circ}21'55,8''$) đến điểm đầu Bãi Trước có tọa độ: T1 (X $107^{\circ}4'8,76''$; Y $10^{\circ}20'56,04''$);

c. Từ điểm cuối Bãi Trước có tọa độ: T2 (X $107^{\circ}4'24,6''$; Y $10^{\circ}20'30,12''$) đến mũi Ô Cấp có tọa độ: O (X $107^{\circ}5'3,84''$; Y $10^{\circ}19'12,72''$);

d. Khu vực cửa sông Cửa Lấp có tọa độ từ: R1 (X $107^{\circ}9'6,84''$; Y $10^{\circ}23'8,16''$) đến R2 (X $107^{\circ}10'52,68''$; Y $10^{\circ}23'58,56''$);

e. Khu vực biển ven bờ xã Lộc An và xã Phước Thuận, có tọa độ từ: E1 (X $107^{\circ}18'28,44''$; Y $10^{\circ}26'6,72''$) đến E2 (X $107^{\circ}20'41,28''$; Y $10^{\circ}27'18''$) và E3 (X $107^{\circ}21'46,8''$; Y $10^{\circ}27'5'4,72''$) đến E4 (X $107^{\circ}26'36,6''$; Y $10^{\circ}28'3,36''$);

2. Các vùng nước biển ven bờ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được liệt kê dưới đây được phân vùng dùng cho mục đích thể thao giải trí dưới nước. Tất cả các cơ sở sản xuất xả nước thải trực tiếp vào các vùng nước biển ven bờ này phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường được quy định tại Quyết định số: 02/2003/QĐ.BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường ngày 29/7/2003 ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch.

a. Khu vực Bãi Dâu có tọa độ từ D1 (X $107^{\circ}3'35,64''$; Y $10^{\circ}22'7,32''$) đến D2 (X $107^{\circ}3'42,84''$; Y $10^{\circ}21'55,8''$);

b. Khu vực Bãi Trước có toạ độ từ T1(X 107⁰4'8,76''; Y 10⁰20'56,04'') đến T2 (X 107⁰4'24,6''; Y 10⁰20'30,12'');

c. Khu vực Bãi Sau bao gồm Bãi Thuyền Vân, Thuyền Dương bắt đầu từ mũi Ô Cáp có toạ độ O (X 107⁰5'3,84''; Y 10⁰19'12,72'') đến khu vực cửa sông Cửa Lấp có toạ độ R1(X 107⁰9'6,84''; Y 10⁰23'8,16'');

d. Dải biển ven bờ từ khu vực cửa sông Cửa Lấp có toạ độ R2 (X 107⁰10'52,68''; Y 10⁰23'58,56'') qua mũi Kỳ Vân đến khu vực biển ven bờ xã Phước Hải có toạ độ E1 (X 107⁰18'28,44''; Y 10⁰26'6,72''). Tại đây bao gồm các bãi tắm: khu du lịch Thuyền Dương và Hàng Dương, khách sạn Long Hải đến Hương Sen, Phước Hải;

đ. Dải biển ven bờ vùng vịnh Lộc An có toạ độ từ E2 (X 107⁰20'41,28''; Y 10⁰27'18'') và E3 (X 107⁰21'46,8''; Y 10⁰27,5'4,72'');

e. Dải biển ven bờ từ mũi Hồ Tràm có toạ độ từ E4 (X 107⁰26'36,6''; Y 10⁰28'3,36'') đến vùng bờ biển xã Bình Châu có toạ độ E5 (X 107⁰34'25,32''; Y 10⁰34'9,48'').

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN VÙNG PHÁT THẢI KHÍ THẢI

Điều 5. Quy định phát thải khí thải vào các vùng đô thị

Các nguồn xả thải khí thải trong các vùng đô thị dưới đây phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 6992: 2001 và TCVN 6995: 2001

1. Đô thị loại II: Các phường thuộc thành phố Vũng Tàu, trừ xã Long Sơn.
2. Đô thị loại IV: Các phường thuộc thị xã Bà Rịa, trừ xã Hoà Long và xã Long Phước.
3. Đô thị loại V: Các thị trấn của các huyện như: Thị trấn Ngãi Giao huyện Châu Đức; thị trấn Phú Mỹ huyện Tân Thành; thị trấn Phước Bửu huyện Xuyên Mộc; thị trấn Long Hải và thị trấn Long Điền huyện Long Điền;

Điều 6. Quy định phát thải khí thải vào các khu công nghiệp

Các nguồn phát thải khí thải trong các khu/cụm công nghiệp dưới đây phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 6991: 2001 và TCVN 6994: 2001

1. Các khu công nghiệp thuộc địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2. Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thuộc tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Điều 7. Quy định phát thải khí thải vào vùng nông thôn và miền núi

Vùng nông thôn, miền núi bao gồm toàn bộ huyện Côn Đảo, xã Long Sơn thuộc thành phố Vũng Tàu, xã Hoà Long và xã Long Phước thuộc thị xã Bà Rịa và các xã của các huyện thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 6993: 2001 và TCVN 6996: 2001

Chương IV KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 8. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các Quy định về xả thải nước thải vào các nguồn nước và phân vùng phát thải khí thải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân có hành vi phạm các quy định tại Quy định này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức, cá nhân có hành vi xả thải nước thải, phát thải khí thải làm ô nhiễm, suy thoái, gây sự cố môi trường hoặc gây tác động xấu đến môi trường phải có các biện pháp khắc phục và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hành vi xả thải nước thải, phát thải khí thải làm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, gây sự cố môi trường hoặc gây tác động xấu đến môi trường mà không có các biện pháp khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không đủ khôi phục tình trạng ban đầu thì phải chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí khắc phục theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Yêu cầu Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thủy sản, Y tế, Du lịch, Ban quản lý các khu công nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu, Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND xem xét, quyết định. /

TM. UBND TỈNH BÀ RI - VŨNG TÀU *Hokhuu*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Quang Khải
PHẠM QUANG KHẢI

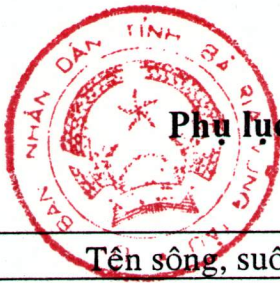
Phụ lục quy định xả nước thải vào hệ thống sông Thị Vải

Tên sông, suối, kênh, rạch	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn áp dụng
1. Sông Thị Vải	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984:2001 Q1M3
2. Các sông/soài/kênh/rạch		
Rạch Rang	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Tắc Cả Tráng	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Mương	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Thị Vải	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Nhum	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Lợi	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Sao	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Bàn Thạch	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Chàm	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Đông	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ông Trịnh	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ngã Ba	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ông Trịnh	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ngã Tư	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ngọn Cù	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3

Phụ lục quy định xả nước thải vào hệ thống sông Dinh


Tên sông, suối, kênh, rạch	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn áp dụng
1. Sông Dinh		
Từ Đập sông Dinh I (trạm bơm cho nhà máy nước sông Dinh) lên phía thượng lưu	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Từ Đập sông Dinh I (họng lấy nước cho nhà máy nước sông Dinh) về phía hạ lưu tới điểm hợp lưu giữa sông Bà Cội và sông Cỏ May	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
2. Các sông/suối/kênh/rạch		
Sông Soài	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Gia Hóp	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Chà Răng	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đá	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Cơm	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Chích	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Nhất	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Lúp	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Sai	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Châu Pha	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đá	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Giao Kèo	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1

Suối Hoá Nước	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Cát	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Cả	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Soui	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Lung	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Cầu	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đông Nghệ	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Nghệ	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Bà Cội	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Sông Cây Khế	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Sáo	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Sáu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Cửa Lấp	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Sông Cỏ May	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Sông Đăng Đàn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3



Phụ lục quy định xả nước thải vào hệ thống sông Ray

Tên sông, suối, kênh, rạch	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn áp dụng
1. Sông Ray		
Từ Đập sông Ray (vị trí xây Hồ sông Ray) lên phía thượng lưu	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Từ Đập sông Ray (vị trí xây Hồ sông Ray) về phía hạ lưu khu vực thác Hòa Bình tọa độ (X 107 ⁰ 21'50,4''; Y 10 ⁰ 35'20,76'')	Thể thao giải trí, dưới nước	TCVN 6982: 2001 Q3M2
Từ hạ lưu thác Hòa Bình tọa độ (X 107 ⁰ 21'50,4''; Y 10 ⁰ 35'20,76'')	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
2. Các sông/suối/kênh/rạch		
Suối Lahou	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Nùng Tung	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Sông Tầm Bó	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Gia Oét	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Tầm Bong	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Khỉ	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Cát	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Giàu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Giao	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Tà Lùng	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Lô Ô	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3



Suối Sâu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Bến Ké	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Tre	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Đăng	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Say	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Bà Là	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Má Trốc	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Sao	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Bà Đấp	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Xa Ấc	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Hỏa	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Từ đập sông Hỏa (vị trí xây hồ sông Hỏa, tọa độ (X 107 ⁰ 25'41,88"; Y 10 ⁰ 31'49,08")) lên phía thượng lưu sông Hỏa	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Từ đập sông Hỏa về Hạ lưu (hợp lưu với sông Ray)	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Các sông/suối/kênh/rạch của sông Hỏa		
Suối Cây Gia	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Cát 2	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đá	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1

Suối Lê	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Dán Ý	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Cầu 3	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Cát	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Gấu	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Sóc	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đổng	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Bến Ké	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Lao	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đồn	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối U	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1

Phụ lục quy định xả nước thải vào hệ thống sông Băng Chua – Đu Đủ

Tên sông, suối, kênh , rạch	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn áp dụng
1. Sông Băng Chua – Đu Đủ	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
2. Các sông/suối/kênh/rạch		
Suối Bang	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Bao Nếp	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đầm Na	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Cầu 5	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Cầu 6	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Các	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6980: 2001 Q3M1
Suối Đá	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối La Hũ	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Nhỏ	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3



Phụ lục quy định xả nước thải vào các sông, suối, kênh, rạch khác

Tên sông, suối, kênh, rạch	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn áp dụng
1. Sông, suối, kênh, rạch ven biển		
Sông Tắc Lớn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Rạch Ong	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Vàm Treo Gù	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Ngọn Hộ Bài	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Mỏ Nhất (sông Cá Các)	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Ngọn Như Bé	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Ngọn Như Giữa	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Ngọn Như Đầu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Cống Đồi	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Ngọt	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Tắc	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ngọn Cù	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Giếng Muối	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Tre	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Ba Sinh	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3

Ngon Lũ Thuyền	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Tắc So Đũa	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Tắc Hào	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Rạng/rạch Bến Đá/rạch Rạng	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Sông Bãi Bùn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Ngon Ong Mén	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Tôm Mới	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Chanh	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Ông Bông	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Bò Hóc	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Mũi Giùi	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q2M3
Sông Bà Thu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Lạch Ván	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Bến Gõ	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Cùng Bần	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Lạch Ván	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Bàng Cà	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Sông Long Hoà	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3

Rạch Gò Găng	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Rạch Mũi Giùi	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
2. Sông, suối, kênh, rạch khác		
Suối Đá Bàn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Bà Nghè	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Ngang	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Săn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Bà Săn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Da	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Môn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Cầu 1	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3
Suối Ly	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6984: 2001 Q3M3



Phụ lục quy định xả nước thải vào nguồn tiếp nhận là các hồ

TT	Tên hồ	Mục đích sử dụng	Tiêu chuẩn áp dụng
Huyện Đất Đỏ và Long Điền			
1.	Hồ suối Giàu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V2M3
2.	Hồ Đá Bàn 1	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V2M3
3.	Hồ Đá Bàn 2	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
4.	Hồ suối Môn	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
5.	Hồ Bút Thiên	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
6.	Hồ Hải Lâm	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
7.	Hồ Sở Bông	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
8.	Hồ Bàu Tràm	Thể thao giải trí dưới nước	TCVN 6983: 2001 V3M2
Huyện Xuyên Mộc			
9.	Hồ Xuyên Mộc	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
10.	Hồ Suối Các	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
11.	Hồ sông Hỏa	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
12.	Hồ Bàu Ngửa	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
13.	Hồ Bàu Nếp	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
14.	Hồ Suối Lao	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
15.	Hồ Suối Sóc	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1

16.	Hồ Bến Nước	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
17.	Hồ Sum Đúc	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
18.	Hồ Bình Châu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
19.	Hồ Sông Kinh	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
Huyện Châu Đức			
20	Hồ Gia Hoét I	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
21.	Hồ Gia Hoét II	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
22.	Hồ Kim Long	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
23.	Hồ Tâm Bó	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
24.	Hồ Suối Đồi I	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
25.	Hồ Suối Đồi II	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
26.	Hồ Đá Đen	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V2M1
27.	Hồ sông Ray	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V1M1
28.	Hồ suối Giàu	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
29.	Hồ Núi Nhan	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
30.	Hồ Lò Ô 1	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
31.	Hồ Lò Ô 2	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
32.	Hồ suối Cát	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
33.	Hồ Đá Bàn 1 & 2	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3

Huyện Tân Thành			
34.	Hồ suối Đá	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
35.	Hồ Châu Pha	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
36.	Hồ Nhà Bè	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
37.	Hồ Giao Kèo	Cấp nước	TCVN 6981: 2001 V3M1
38.	Hồ suối Sao	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
39.	Hồ suối Ngọt	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
40.	Hồ Rạch Chanh	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
Thành phố Vũng Tàu			
41.	Hồ Mang Cá	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
42.	Hồ Bàu Trũng	Thể thao giải trí dưới nước	TCVN 6983: 2001 V3M2
43.	Hồ Bàu Sen	Thể thao giải trí dưới nước	TCVN 6983: 2001 V3M2
	Hồ Võ Thị Sáu	Bảo vệ thủy sinh	TCVN 6985: 2001 V3M3
Huyện Côn Đảo			
44.	Hồ Quang Trung	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6981: 2001 V3M1
45.	Hồ An Hải	Cấp nước sinh hoạt	TCVN 6981: 2001 V3M1